TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/DS-PT
Ngày: 25-3-2019
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Giang;

Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***:

Ông Trần Văn Sự, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2018, về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2018/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thế T (tên gọi khác Phạm Văn L), sinh năm 1948; cư trú tại: Tổ 1, ấp 3, xã Sn, huyện TC, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970; cư trú tai: Ô4/120B, khu phố TB C, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông NLQ 1, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp 1, xã MQT, huyện ĐH, tỉnh LA, vắng mặt.

+ Bà NLQ 2 (H1), sinh năm 1963; cư trú tại: Số 18, khu phố TB B, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Anh NLQ 3, sinh năm 1973 và chị NLQ 3.1, sinh năm 1972; cùng trú tại: Ô 4/72, khu phố Thanh Bình C, thị trấn GD, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Anh NLQ 4, sinh năm 1990 và chị NLQ 4.1, sinh năm 1988; cùng trú tại: Ô 4/119, khu phố TB C, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Phòng công chứng số A tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: Quốc lộ 22B, khu phố RS, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, Tòa án không triệu tập.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Thế T và bị đơn bà Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thế T trình bày:

Cụ ông Nguyễn V. O và cụ bà Nguyễn Thị K chung sống với nhau có một người con chung là ông. Sau khi cụ Ô chết, cụ K tiếp tục chung sống với cụ Ông Phạm Văn C và có 09 người con chung gồm: Ông Phạm Văn T (chết không nhớ năm và không vợ con), ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị Mỹ L (chết ngày 17-12-2016), bà NLQ 2, ông Phạm Văn H (chết năm 2000, có 02 người con là anh NLQ 4 và chị Phạm Thị Anh Đ), bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn S (chết không nhớ năm, có 02 người con là chị Phạm Thị Thúy D và chị Phạm Thị Thúy N), ông Phạm Văn H và ông Phạm Văn P (chết lúc còn nhỏ không có vợ con).

Năm 1951, cụ Tám H cho cụ C và cụ K ở nhờ trên diện tích đất 92 m^2, thửa số 87, tờ bản đồ 36, tại khu phố TB C, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; việc cho ở nhờ không làm giấy tờ gì. Trong quá trình sử dụng đất, cụ C và cụ K không kê khai đăng ký và chưa được cấp giấy tờ gì về phần đất nêu trên. Ngày 29-3-2006, bà Phạm Thị Mỹ L được Ủy ban nhân dân huyện GD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất nêu trên. Bà L không có chồng con, anh NLQ 4 sống chung với bà L từ nhỏ. Năm 2016, bà L Chết, vợ chồng NLQ 4, NLQ 4.1 quản lý, sử dụng phần đất này. Việc bà H, bà H1 và ông Đ lập văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế của bà L là nhà đất nêu trên cho bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà H chuyển nhượng cho vợ chồng NLQ 3, NLQ 3.1 là không đúng.

Nay ông yêu cầu chia di sản của bà L để lại theo quy định của pháp luật, yêu cầu được nhận đất và nhà, đồng ý thanh toán tiền cho những người thừa kế khác; yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế giữa ông NLQ 1, bà NLQ 2 và bà Phạm Thị H ngày 15-6-2017 tại Phòng công chứng số A tỉnh Tây Ninh là vô hiệu.

Bị đơn bà Phạm Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ 1 và bà NLQ 2 trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của ông T về mối quan hệ huyết thống và nguồn gốc di sản thừa kế.

Sau khi cụ C và cụ K chết, bà L quản lý sử dụng nhà và đất, đến năm 2005 nhận chuyển nhượng của ông H với giá 2.000.000 đồng. Ngày 29-3-2006, bà L được Ủy ban nhân dân huyện GD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm

2016, bà L chết, di sản do vợ chồng NLQ 4 quản lý, sử dụng. Ngày 15-6-2017 các ông bà thỏa thuận phân chia thừa kế, thống nhất để cho bà H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và đất. Sau đó bà H chuyển nhượng cho vợ chồng NLQ 3, NLQ 3.1 được số tiền 250.000.000 đồng, chia cho bà H, bà H1 và ông Đ mỗi người 80.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng làm đám cho bà L.

Ông T yêu cầu chia thừa kế, các ông bà không đồng ý, do ông T không cùng huyết thống; yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H với vợ chồng NLQ 3, NLQ 3.1; yêu cầu vợ chồng NLQ 4, NLQ 4.1 giao nhà đất cho vợ chồng NLQ 3, NLQ 3.1.

Tại đơn khởi kiện ngày 05-4-2018, anh NLQ 3 và chị NLQ 3.1 trình bày:

Ngày 13-7-2017, vợ chồng anh chị có nhận chuyển nhượng nhà và đất diện tích 92 m^2 của bà H với số tiền 250.000.000 đồng, anh chị đã trả đủ tiền nhưng bà H chưa giao nhà, đất; nay anh chị yêu cầu bà H giao nhà, đất; nếu hợp đồng vô hiệu thì yêu cầu bồi thường thiệt hại theo giá thị trường.

Tại đơn khởi kiện ngày 14-5-2018, anh NLQ 4 trình bày:

Anh yêu cầu những người thừa kế trả lại 96.000.000 đồng gồm: Tiền cho bà L mượn sửa chữa nhà là 25.000.000 đồng, trị bệnh trước khi chết 11.000.000 đồng và chi phí đám tang 10.000.000 đồng và tiền công sức quản lý gìn giữ tài sản 50.000.000 đồng. Yêu cầu nhận tài sản thanh toán tiền lại cho những người thừa kế.

Đại diện theo pháp luật của NLQ 5 trình bày: Ngày 15-6-2017, Phòng công chứng số A tỉnh Tây Ninh công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giữa bà H, bà H1 và ông Đ đúng theo trình tự thủ tục do pháp luật quy định, nếu có căn cứ thì Tòa án tuyên bố vô hiệu.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 68/2018/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 637, 639, 640, 676, 683 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1, khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T (tên gọi khác Phạm Văn L) yêu cầu chia thừa kế tài sản nhà, quyền sử dụng đất đối với bị đơn bà Phạm Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông NLQ 1, bà NLQ 2, anh NLQ 3, chị NLQ 3.1 (Thi), anh NLQ 4, chị NLQ 4.1, Phòng công chứng số A tỉnh Tây Ninh đại diện ông Trần Hùng N.

2. Tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng: 107, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15-6-2017 của Phòng công chứng số A tỉnh Tây Ninh giữa ông NLQ 1, bà NLQ 2 và bà Phạm Thị H vô hiệu.

3. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số Chứng thực: 336, quyển số 01/2017 SGD/HĐ-GD do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn GD chứng thực ngày 13-7-2017 giữa bà Phạm Thị H với anh NLQ 3, chị NLQ 3.1 đối với phần đất có diện tích 92 m^2, thửa số 87, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại khu phố Tb C, thị trấn GD.

Buộc anh NLQ 4 và chị NLQ 4.1 phải giao phần diện tích 92 m^2 và nhà ở xây tường, mái tole, nền lát gạch tàu, diện tích 92 m^2, nằm trên thửa số 87, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại khu phố TB C, thị trấn GD, huyện GD cho anh NLQ 3, chị NLQ 3.1 được quyền sở hữu, sửng dụng, có tứ cận như sau: Đông giáp thửa số 88, Tây giáp thửa số 86, Nam giáp thửa số 103, Bắc giáp đường đất.

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh NLQ 4 yêu cầu những người thừa kế phải trả số tiền 46.000.000 đồng.

5. Buộc bà Phạm Thị H, bà NLQ 2, ông NLQ 1 mỗi người phải thanh toán cho anh NLQ 4 số tiền 16.518.653 (Mười sáu triệu, năm trăm mười tám ngàn, sáu trăm năm mươi ba) đồng.

6. Buộc bà Phạm Thị H, bà NLQ 2, ông NLQ 1 mỗi người phải thanh toán cho ông Nguyễn Thế T (Phạm Văn L) số tiền 23.333.333 (Hai mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 29 tháng 10 năm 2018, nguyên đơn ông Nguyễn Thế T kháng cáo đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để nguyên đơn được hưởng thừa kế bằng hiện vật.

- Ngày 25 tháng 10 năm 2018, bị đơn bà Phạm Thị H kháng cáo đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông T không cùng huyết thống với chị em bà.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông T, nhận thấy: Ông T yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, ông nhận căn nhà để làm nơi thờ cúng cha, mẹ. Tuy nhiên, ông T đã có chỗ ở ổn định, đối với việc dùng di sản làm nơi thờ cúng là ý kiến của riêng ông T, không được các đồng thừa kế khác thống nhất. Mặt khác, di sản đã được các thừa kế khác thỏa thuận phân chia xong và đã thống nhất chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà cho vợ chồng NLQ 3, NLQ 3.1, thủ tục chuyển nhượng đã hoàn thành, NLQ 3, NLQ 3.1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, cấp sơ thẩm không chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho ông T là đúng với quy định tại Điều 133, 662 của Bộ luật Dân sự năm 2105.

[2] Xét kháng cáo của bà H, nhận thấy: Bà H không đồng ý chia di sản thừa kế cho ông T vì cho rằng ông T không cùng huyết thống với chị em bà, tuy nhiên, bà H, ông Đ, bà H1 đều thừa nhận ông T là anh cùng mẹ khác cha với các ông, bà. Theo quy định tại điểm e, mục 4, Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì người mẹ sinh ra bao nhiêu người con thì những người con đó đều là anh, chị, em ruột của nhau. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L không còn ai, bà L không có chồng, con, cha mẹ đều đã chết nên những người thuộc hàng thứ hai được hưởng di sản của bà L. Bà H cũng thừa nhận ông T không có hành vi vi phạm gì thuộc trường hợp không được quyền hưởng di sản theo quy định tại Điều 643 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, ông T được hưởng di sản của bà L là đúng với quy định của pháp luật về thừa kế.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ; không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T, bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, vợ chồng NLQ 4, NLQ 4.1 là người đang giữ di sản, các thừa kế đã chuyển nhượng cho người khác mà chưa có sự thỏa thuận với NLQ 4, NLQ 4.1 về thời gian giao tài sản nhưng cấp sơ thẩm không tuyên thời gian lưu cư cho NLQ 4, NLQ 4.1 là chưa đầy đủ, nay cấp phúc thẩm bổ sung thêm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí: Kháng cáo của ông T, bà H không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 637, 639, 640, 676, 683, 687 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 133, Điều 166, 623 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, ông Nguyễn Thế T và bị đơn, bà Phạm Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T (Phạm Văn L) đối với bị đơn bà Phạm Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông NLQ 1, bà NLQ 2, anh NLQ 3, chị NLQ 3.1 (Thi), anh NLQ 4, chị NLQ 4.1 và Phòng công chứng số A tỉnh Tây Ninh.

2. Tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng: 107, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15-6-2017 của Phòng công chứng số A tỉnh Tây Ninh giữa ông NLQ 1, bà NLQ 2 và bà Phạm Thị H vô hiệu.

3. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số Chứng thực: 336, quyển số 01/2017 SGD/HĐ-GD do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn GD chứng thực ngày 13-7-2017 giữa bà Phạm Thị H với anh NLQ 3, chị NLQ 3.1 đối với phần đất có diện tích 92 m^2, thửa số 87, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại khu phố Thanh Bình C, thị trấn GD.

Buộc anh NLQ 4 và chị NLQ 4.1 giao phần diện tích 92 m^2 và nhà ở xây tường, mái thiếc, nền lát gạch tàu, diện tích 92 m^2 trên thửa số 87, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại khu phố TB C, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh cho anh NLQ 3, chị NLQ 3.1 được quyền sở hữu, sử dụng, đất có tứ cận như sau: Đông giáp thửa số 88, Tây giáp thửa số 86, Nam giáp thửa số 103, Bắc giáp đường đất. NLQ 4, NLQ 4.1 được lưu cư trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh NLQ 4 yêu cầu những người thừa kế phải trả tiền chi phí mai táng bà L 10.000.000 đồng, tiền bà L vay xây nhà và trị bệnh 36.000.000 đồng, tổng cộng 46.000.000 đồng.

5. Buộc bà Phạm Thị H, bà NLQ 2, ông NLQ 1 mỗi người phải thanh toán cho anh NLQ 4 số tiền 16.518.653 đồng (Mười sáu triệu, năm trăm mười tám ngàn, sáu trăm năm mươi ba đồng).

6. Buộc bà Phạm Thị H, bà NLQ 2, ông NLQ 1 mỗi người phải thanh toán cho ông Nguyễn Thế T (Phạm Văn L) số tiền 23.333.333 đồng (Hai mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

7. Án phí:

7.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thế T (Phạm Văn L) được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị H, bà NLQ 2, ông NLQ 1 mỗi người phải chịu 4.119.449 đồng (bốn triệu, một trăm mười chín nghìn, bốn trăm bốn mươi chín đồng).

Anh NLQ 4 phải chịu 2.300.000 đồng, được trừ 1.150.000 đồng tiền tạm ứng án phí do NLQ 4 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013515 ngày 16-5-2018 của Chi cục Thi hành án huyện Gò Dầu, anh NLQ 4 còn phải nộp tiếp 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho anh NLQ 3, chị NLQ 3.1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0013299 ngày 05-4-2018 của Chi cục Thi hành án huyện Gò Dầu.

7.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thế T được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0008358 ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Bà H đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Gò Dầu;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai